

Số: /VP-TTHC
V/v niêm yết, công khai thủ tục
hành chính

Sóc Trăng, ngày tháng 01 năm 2022

Kính gửi: - Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố,
tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ký ban hành Quyết định số 3873/QĐ-UBND về việc bãi bỏ một số thủ tục hành chính lĩnh vực Đất đai áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh, Quyết định số 3874/QĐ-UBND, Quyết định số 3876/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Đất đai áp dụng tại cấp xã, cấp huyện trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 3875/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng.

Đến nay, việc nhập và đăng tải công khai, không công khai dữ liệu thủ tục hành chính theo các Quyết định công bố nêu trên vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính đã hoàn thành; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã truy cập website: <http://dichvucong.gov.vn>, chọn tra cứu thủ tục hành chính, chọn cơ quan thực hiện Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, nhập số hồ sơ thủ tục hành chính, bấm phím tìm kiếm, kết xuất dữ liệu thủ tục hành chính để niêm yết, công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của các đơn vị, cụ thể như sau:

1. Hồ sơ thủ tục hành chính công khai

Số thứ tự	Số hồ sơ thủ tục hành chính công khai	Tên thủ tục hành chính công khai	Ghi chú
	(1)	(2)	
1	1.003554.000.0 0.00.H51	Hòa giải tranh chấp đất đai	Thủ tục hành chính áp dụng tại cấp xã
2	1.005398.000.0 0.00.H51	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Thủ tục hành chính, mã số

			hồ sơ thủ tục hành chính áp dụng chung cấp tỉnh và cấp huyện
3	1.004238.000.0 0.00.H51	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	-nt-
4	1.004227.000.0 0.00.H51	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	-nt-
5	1.004221.000.0 0.00.H51	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	-nt-
6	1.001990.000.0 0.00.H51	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	-nt-
7	1.004203.000.0 0.00.H51	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	-nt-
8	1.004199.000.0 0.00.H51	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	-nt-
9	1.004193.000.0 0.00.H51	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	-nt-
10	1.003003.000.0 0.00.H51	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	-nt-
11	1.002255.000.0 0.00.H51	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	-nt-
12	2.000976.000.0 0.00.H51	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	-nt-

13	1.002273.000.0 0.00.H51	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	-nt-
14	1.002993.000.0 0.00.H51	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	-nt-
15	2.000889.000.0 0.00.H51	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	-nt-
16	1.001991.000.0 0.00.H51	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	-nt-
17	2.000889.000.0 0.00.H51	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án: chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất: đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	-nt-

18	1.001134.000.0 0.00.H51	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	-nt-
19	1.005194.000.0 0.00.H51	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	-nt-
20	1.001980.000.0 0.00.H51	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	-nt-
21	2.000983.000.0 0.00.H51	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	-nt-
22	1.004206.000.0 0.00.H51	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	Thủ tục hành chính áp dụng tại cấp huyện
23	2.001234.000.0 0.00.H51	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	-nt-
24	1.003572.000.0 0.00.H51	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “đồn điền đổi thửa” (đồng loạt)	-nt-
25	1.010200.000.0 0.00.H51	Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	Thủ tục hành chính áp dụng tại cấp tỉnh
26	1.001009.000.0 0.00.H51	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	-nt-
27	1.003010.000.0 0.00.H51	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có	-nt-

		vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	
28	1.004217.000.00.00.H51	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	-nt-
Tổng số: 28 thủ tục.			

2. Hồ sơ thủ tục hành chính không công khai

Số thứ tự	Số hồ sơ thủ tục hành chính không công khai	Tên thủ tục hành chính không công khai	Lý do không công khai	Ghi chú
	(1)	(2)		
1	2.000348.000.00.00.H51	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Thực hiện theo Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Thủ tục hành chính áp dụng tại cấp huyện
2	1.003886.000.00.00.H51	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	-nt-	-nt-
3	1.003877.000.00.00.H51	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	-nt-	-nt-
4	1.003855.000.00.00.H51	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	-nt-	-nt-

5	1.003013.000. 00.00.H51	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	-nt-	-nt-
6	1.003000.000. 00.00.H51	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	-nt-	-nt-
7	1.002989.000. 00.00.H51	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	-nt-	-nt-
8	1.002978.000. 00.00.H51	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	-nt-	-nt-
9	1.002335.000. 00.00.H51	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	-nt-	-nt-
10	1.002314.000. 00.00.H51	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	-nt-	-nt-
11	1.002291.000. 00.00.H51	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	-nt-	-nt-
12	1.002277.000. 00.00.H51	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	-nt-	-nt-
13	2.000955.000. 00.00.H51	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	-nt-	-nt-
14	1.003907.000. 00.00.H51	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn	-nt-	-nt-

		liên với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định		
15	2.000410.000. 00.00.H51	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	-nt-	-nt-
16	2.000379.000. 00.00.H51	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	-nt-	-nt-
17	2.000365.000. 00.00.H51	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của	-nt-	-nt-

		hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp		
18	1.000755.000.00.00.H51	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	-nt-	-nt-
19	1.003620.000.00.00.H51	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	-nt-	-nt-
20	1.003595.000.00.00.H51	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	-nt-	-nt-
21	1.003836.000.00.00.H51	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	-nt-	-nt-
Tổng số: 21 thủ tục.				

Đề nghị quý cơ quan phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Nguyễn Trọng Sơn